

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/HC-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v “Khiếu kiện Quyết định hành
chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Xuân Hoài

2. Ông Nguyễn Đăng Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 32/2022/TLST-HC ngày 04/5/2022 về “*Khiếu kiện Quyết định hành chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HC ngày 15/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2022/QĐST-HC ngày 06/9/2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Hoàng Tuấn A- Sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu 2, phường L, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc V – Phó Chủ tịch UBND thành phố C (theo văn bản ủy quyền số 3893/QĐ-UBND ngày 06/6/2022). Có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Minh T và ông Đỗ Văn T1. Ông T vắng mặt, ông T1 có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân phường D, thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung Đ- Phó Chủ tịch UBND phường D, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền số 681/QĐ-UBND ngày 25/6/2022). Có mặt.

+ Ông Hoàng Văn Đ, ông Hoàng Văn Đ1, bà Nguyễn Thị L, bà Hoàng Thị Ánh T. Cùng địa chỉ: Tổ 1, khu T, phường D, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Đều vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị Nguyệt N. Địa chỉ: Tổ 11, khu L, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị H. Địa chỉ: Khu 8, phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:

Ngày 08/02/2021, ông Hoàng Tuấn A và ông Hoàng Văn Đ1 nhận chuyển nhượng của hộ ông Hoàng Văn Đ 201m² đất tại khu T, phường D, Tp C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25/01/2006 cho hộ ông Hoàng Văn Đ. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng cùng ngày.

Ngày 28/07/2021, ông Tuấn A đã nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công thành phố C xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Ngày 04/03/2022 UBND thành phố C ban hành văn bản số 825/UBND-VP “V/v giải quyết đề nghị của ông Hoàng Tuấn A liên quan đến thửa đất nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn Đ tại khu T, phường D”, không chấp nhận đề nghị giải quyết chuyển nhượng đất của ông Tuấn A, vì thửa đất đã có quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của UBND thành phố C.

Người khởi kiện cho rằng: Việc chuyển nhượng đất giữa ông Hoàng Tuấn A và ông Hoàng Văn Đ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, cụ thể: Tại thời điểm chuyển nhượng có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất không có tranh chấp, đất vẫn còn thời hạn sử dụng đất, quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng. Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất ông Tuấn A nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn Đ ban hành ngày 21/02/2022, trong khi việc chuyển nhượng đã được công chứng ngày 08/02/2021.

Việc UBND thành phố C cho rằng phải thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho ông Tuấn A, sau đó cấp lại cho ông Hoàng Văn Đ để ông Đ hoàn thành nghĩa vụ thuế với nhà nước là không đúng, vì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tuấn A và ông Hoàng Văn Đ đã thực hiện đúng quy định của Luật đất đai.

Do đó, người khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định hành chính số 1300/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của UBND thành phố C về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp của hộ ông Hoàng Văn Đ đối với thửa đất tại khu T, phường D, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

- Hủy Văn bản số 825/UBND-VP ngày 04/3/2022 của UBND thành phố C về việc giải quyết đề nghị của ông Hoàng Tuấn A liên quan đến thửa đất nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn Đ tại khu T, phường D, Tp C. Buộc UBND thành phố

C cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ ông Hoàng Văn Đ sang ông Hoàng Tuấn A và ông Hoàng Văn Đ1.

Đề nghị Toà án căn cứ: khoản 10 điều 3; khoản 1, khoản 3 điều 188; điểm d khoản 2 điều 106 của Luật đất đai năm 2013 và khoản 3 điều 5 Luật Công chứng để giải quyết các nội dung trên theo đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có quan điểm:

Ngày 21/10/2005 UBND thị xã C đã ban hành Quyết định số 2001/2005/QĐ-UB hợp thức hóa đất ở, đất vườn cho 40 hộ dân phường D, trong đó hộ ông Hoàng Văn Đ được công nhận quyền sử dụng đất 300m² đất ở tại khu T, phường D, thành phố C, không phải nộp tiền sử dụng đất. Ngày 30/11/2005 ông Đ được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AD 156017 ngày 30/11/2005 đối với diện tích đất trên.

Năm 2006, ông Hoàng Văn Đ tách thửa, chuyển nhượng 99m² đất ở cho ông Trịnh Văn H1 và được cấp đổi lại Giấy chứng nhận số AD104259 ngày 25/01/2006 với diện tích 201m² đất ở; hộ ông Trịnh Văn H1 được cấp Giấy chứng nhận số AD104260 ngày 25/01/2006 với diện tích 99m² đất ở.

Ngày 10/9/2008 UBND thị xã C đã ban hành Quyết định số 2281/QĐ-UBND “V/v hủy bỏ kết quả hợp thức hóa QSDĐ của 54 hộ dân phường D” (trong đó có hộ ông Hoàng Văn Đ) và Quyết định số 2287/QĐ-UBND “V/v thu hồi GCNQSD đất đã cấp ngày 30/11/2005 cho hộ ông Hoàng Văn Đ, vì: Theo Kết luận thanh tra số 279/KL-TTTr ngày 28/3/2008 của UBND thành phố C xác định: Hộ ông Hoàng Văn Đ thuộc trường hợp không đủ điều kiện hợp thức hóa, cấp GCNQSD đất do thửa đất có diện tích nằm trong ranh giới GPMB và đã có quyết định thu hồi đất số 2230/QĐ-UB ngày 06/7/2004 của UBND tỉnh Quảng Ninh xây dựng khu đô thị mới Tây Ka Long, trước thời điểm ông Đ được tiếp nhận hồ sơ xin công nhận và cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 20/8/2004.

Vì vậy, việc hợp thức hóa, công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Ngoài ra, theo Kết luận Thanh tra số 14/KL-TTTr ngày 04/3/2009 của Thanh tra tỉnh Quảng Ninh xác định: Hộ ông Hoàng Văn Đ kê khai sai lệch nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất nhằm không phải nộp tiền sử dụng đất. Cụ thể: Năm 1995 ông Hoàng Văn Đ thuê nhà của ông Đặng Trọng Đ2 và bà Phùng Thị L1. Sau đó, ông nhận chuyển nhượng đất khai hoang của ông Đặng Trọng Đ2. Nhưng khi hợp thức hóa, trong đơn xin xác nhận nguồn gốc đất, ông Hoàng Văn Đ ghi nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T2 diện tích 300m² vào năm 1991. Thực tế, từ năm 1984 đến năm 1994 ông Đ vẫn sống và làm ăn tại xã N (theo xác nhận của công an). Đồng thời, tại thời điểm ông Đ nộp đơn đăng ký QSDĐ ngày 20/8/2004, theo quy định của UBND tỉnh Quảng Ninh về hạn mức đất ở tại Quyết định số 2515/2000/QĐ-UBND

ngày 02/10/2000 thì vị trí thửa đất của hộ ông Hoàng Văn Đ đủ điều kiện được công nhận 200m² đất ở nhưng UBND thị xã C công nhận 300m đất ở là vượt hạn mức.

Ngày 10/3/2011 UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu đô thị mới Tây Ka Long. Theo quy hoạch điều chỉnh, thửa đất hộ ông Đ nằm ngoài phạm vi ranh giới dự án. Do đó, ngày 23/10/2015 UBND thành phố C đã ban hành văn bản số 1991/UBND-VP chỉ đạo triển khai thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường hợp đủ điều kiện. Tuy nhiên hộ ông Hoàng Văn Đ không phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ (đã bị hủy bỏ kết quả công nhận quyền sử dụng đất) và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 25/8/2017, ông Hoàng Văn Đ đã nộp hồ sơ xin cấp đổi Giấy chứng nhận số AD104259 ngày 25/01/2006. Nhận thấy việc xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất của hộ ông Đ không đúng với Kết luận số 14/KL-TTr ngày 04/3/2009 của Thanh tra tỉnh Quảng Ninh và Kết luận thanh tra số 279/KL-TTr ngày 28/3/2008 của UBND thị xã C, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C đã chuyển hồ sơ đến UBND phường D để xác minh lại theo quy định.

Ngày 08/02/2021, ông Hoàng Văn Đ chuyển nhượng phần diện tích 201m² đất ở đã được cấp giấy chứng nhận số AD104259 ngày 25/01/2006 cho ông Hoàng Văn Đ1 và ông Hoàng Tuấn A, đã được công chứng cùng ngày, chưa thực hiện thủ tục đăng ký chuyển quyền sử dụng đất cho người nhận chuyển nhượng.

Trên cơ sở báo cáo số 05/BC-UBKTTT ngày 10/01/2022 của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra- Thanh tra thành phố C, UBND Thành phố C đã ban hành Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp của hộ ông Hoàng Văn Đ đối với thửa đất tại khu T, phường D, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, và có Văn bản số 825/UBND-VP ngày 04/3/2022 trả lời ông Hoàng Tuấn A về việc không có cơ sở giải quyết chuyển nhượng thửa đất có Giấy chứng nhận số AD 104259 cấp ngày 25/01/2006.

Như vậy, UBND thành phố C ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1300/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 và Văn bản số 825/UBND-VP ngày 04/3/2022 là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường D, thành phố C có quan điểm:

Thửa đất ông Hoàng Văn Đ được hợp thức hóa theo quyết định số 2001/2005/QĐ-UB ngày 21/10/2005, được cấp giấy CNQSDĐ số AD 156017 cấp ngày 30/11/2005 có địa chỉ khu T, phường D, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, là thửa đất số 10; Tờ bản đồ số: 56; có nguồn gốc ông Hoàng Văn Đ nhận chuyển nhượng đất khai hoang của ông Đặng Trọng Đ2 năm 1995. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Đ sử dụng vào mục đích để ở ổn định liên tục, đến năm 2005 được UBND thị xã C công nhận quyền sử dụng đất tại giấy CNQSD đất số AD 156017 ngày

30/11/2005. Năm 2006 ông Đ chuyển nhượng 99 m² đất ở cho hộ ông Trịnh Văn H1. Ông Đ và ông Hoài đều được cấp giấy CNQSDĐ ngày 25/01/2006.

UBND phường D nhất trí với quan điểm của UBND thành phố C về việc không có cơ sở giải quyết việc chuyển nhượng 201m² đất giữa ông Hoàng Văn Đ và ông Hoàng Tuấn A, ông Hoàng Văn Đ1, vì hộ ông Hoàng Văn Đ đã bị thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2005, năm 2006 và hủy kết quả công nhận quyền sử dụng đất từ năm 2005.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ có quan điểm: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn Đ cho ông Hoàng Tuấn A và ông Hoàng Văn Đ1 đã được thực hiện đúng quy định pháp luật, được công chứng, đã nhận đủ tiền và bàn giao giấy tờ về đất đai cho bên mua.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ1, bà Nguyễn Thị L, bà Hoàng Thị Ánh T, Bà Hoàng Thị Nguyệt N, Bà Hoàng Thị H không có quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa có quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, đề nghị xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tuấn A.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về pháp luật tố tụng:* Ông Hoàng Tuấn A yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 1300/QĐ-UBND ngày 21 tháng 2 năm 2022 của UBND thành phố C về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 104259 cấp ngày 25/01/2006 cho hộ ông Hoàng Văn Đ và hủy Văn bản số 825/UBND-VP ngày 04 tháng 3 năm 2022 của UBND thành phố C về việc không chấp nhận đề nghị giải quyết chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Hoàng Tuấn A. Đây là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là Quyết định hành chính bị kiện, việc khởi kiện còn trong thời hiệu. Tòa án thụ lý vụ án đã đảm bảo đúng quy định tại Điều 22 Luật Đất đai 2013; Khoản 2 Điều 3, Điều 32 và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Đối với quyết định số 2001/2005/QĐ-UB ngày 21/10/2005 của UBND thị xã C về việc hợp thức hóa đất ở cho 40 hộ dân phường D; Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND thành phố C về việc hủy kết quả hợp thức hóa quyền sử dụng đất của 54 hộ dân phường D; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

AD 156017 do UBND thị xã C cấp ngày 30/11/2005 mang tên hộ ông Hoàng Văn Đ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 104259 do UBND thị xã C cấp ngày 25/01/2006 mang tên hộ ông Hoàng Văn Đ; Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND thị xã C về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 156017 do UBND thị xã C cấp ngày 30/11/2005 mang tên hộ ông Hoàng Văn Đ tuy không bị khởi kiện nhưng là các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định khởi kiện nên Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của các quyết định này theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[2] *Xem xét tính hợp pháp của các Quyết định hành chính.*

[2.1] *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:*

Căn cứ nội dung các kết luận thanh tra số 279/KL-TTr ngày 28/3/2008 của UBND thành phố C, kết luận thanh tra số 14/KL-TTr ngày 04/3/2009 của Thanh tra Tỉnh Quảng Ninh về xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn Đ, UBND thành phố C đã ban hành Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 thu hồi giấy CNQSDĐ của hộ ông Đ. Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 21 tháng 2 năm 2022 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 điều 106 Luật Đất đai 2013, điểm b khoản 26 điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP.

[2.2] *Xét về nội dung khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Thửa đất ông Hoàng Văn Đ chuyển nhượng cho ông Hoàng Tuấn A và ông Hoàng Văn Đ1 ngày 08/02/2021 có địa chỉ khu T, phường D, thành phố C, Tỉnh Quảng Ninh, đã được hợp thức hóa theo quyết định số 2001/2005/QĐ-UB ngày 21/10/2005, được cấp giấy CNQSDĐ số AD 156017 cấp ngày 30/11/2005 cho hộ ông Hoàng Văn Đ.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 279/KL-TTr ngày 28/3/2008 của UBND thành phố C thì thửa đất có diện tích nằm trong ranh giới GPMB và đã có quyết định thu hồi đất số 2230/QĐ-UB ngày 06/7/2004 của UBND tỉnh Quảng Ninh xây dựng khu đô thị mới Tây Ka Long nên thuộc trường hợp không đủ điều kiện hợp thức hóa, cấp GCNQSD đất theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Vì vậy, ngày 10/9/2008 UBND thị xã C đã ban hành Quyết định số 2281/QĐ-UBND “V/v hủy bỏ kết quả hợp thức hóa QSDĐ của 54 hộ dân phường D” (trong đó có hộ ông Hoàng Văn Đ) và Quyết định số 2287/QĐ-UBND “V/v thu hồi GCNQSD đất đã cấp số AD 156017 ngày 30/11/2005 cho hộ ông Hoàng Văn Đ” là đúng quy định pháp luật tại thời điểm hủy bỏ, thu hồi giấy CNQSDĐ.

Sau khi có quyết định điều chỉnh quy hoạch dự án khu đô thị Tây Ka Long vào năm 2011, xác định diện tích đất của hộ ông Đ nằm ngoài ranh giới quy hoạch dự án, UBND thành phố C đã có văn bản số 1991/UBND-VP ngày 23/10/2015 chỉ đạo triển khai thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường hợp đủ điều kiện. Song hộ ông Hoàng Văn Đ không phù hợp với

UBND thành phố C để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra, tại Kết luận Thanh tra số 14/KL-TTr ngày 04/3/2009 của Thanh tra tỉnh Quảng Ninh xác định: Hộ ông Hoàng Văn Đ kê khai sai lệch nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, nhằm không phải nộp tiền sử dụng đất. Tại thời điểm hợp thức hóa, ông Đ không ở trên đất, thời điểm và nguồn gốc sử dụng đất không đúng với hồ sơ xin hợp thức hóa. Vì vậy, hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ số AD 156017 ngày 30/11/2005 cho hộ ông Hoàng Văn Đ thì ông Đ không phải nộp tiền sử dụng đất 50% (theo quy định tại khoản 2 điều 8 Nghị định 198/2004/NĐ-CP của Chính Phủ) và UBND thị xã C đã công nhận vượt hạn mức đất ở cho phép đối với hộ ông Đ 100m² theo quy định tại Quyết định số 2515/2000/QĐ-UBND ngày 02/10/2000 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Như vậy, có căn cứ xác định giấy CNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn Đ là không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng nguồn gốc sử dụng đất, vượt hạn mức đất ở. Do đó, UBND thành phố C ra quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 21 tháng 2 năm 2022 thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số AD 104259 cấp ngày 25/01/2006 cho hộ ông Hoàng Văn Đ là đúng quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 điều 106 Luật đất đai 2013.

Văn bản số 825/UBND-VP ngày 04 tháng 3 năm 2022 của UBND thành phố C trả lời đơn đề nghị của ông Hoàng Tuấn A xác định cần thiết phải thu hồi giấy CNQSDĐ đã cấp năm 2006 cho hộ ông Hoàng Văn Đ để thực hiện cấp lại giấy CNQSDĐ cho hộ ông Đ trên cơ sở ông Đ phải nộp tiền sử dụng đất là có căn cứ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tuấn A không có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định hành chính có liên quan gồm: quyết định hợp thức hóa đất ở số 2001/2005/QĐ-UB ngày 21/10/2005 của UBND thị xã C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 156017 ngày 30/11/2005 mang tên hộ ông Hoàng Văn Đ không đúng quy định pháp luật về đối tượng, nguồn gốc sử dụng đất đã bị hủy bỏ, thu hồi tại Quyết định hủy kết quả hợp thức hóa quyền sử dụng đất số 2281/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND thành phố C và Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2287/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND thị xã C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 104259 do UBND thị xã C cấp ngày 25/01/2006 cho hộ ông Hoàng Văn Đ không đúng quy định pháp luật, đã bị thu hồi là có căn cứ.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông Hoàng Tuấn A phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điểm d khoản 2, khoản 3 điều 106 Luật đất đai

2013; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tuấn A về việc hủy quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2022 của UBND thành phố C về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 104259 cấp ngày 25/01/2006 cho hộ ông Hoàng Văn Đ và hủy Văn bản số 825/UBND-VP ngày 04 tháng 3 năm 2022 của UBND thành phố C.

Ông Hoàng Tuấn A phải nộp 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0015893 ngày 21/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Người khởi kiện có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- NBVQVLIHP;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Thị Duyên